| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN A**<br>TỈNH NGHỆ AN | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 30/2024/ST – HNGĐ
Ngày 27 tháng 3 năm 2024
"V/v: Ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn".

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A – TỈNH NGHỆ AN**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Lệ Hằng

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Võ Trọng Anh và bà Trần Hải Yến.

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Phạm Mạnh Cường - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Anh Tuấn – Kiểm sát viên.

Ngày 27/03/2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 139/2023/TLST – HNGĐ ngày 21/11/2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2024/QĐXXST – HNGĐ ngày 15/3/2024 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* **Chị Bùi Thị Đ –** Sinh năm: 1991

Trú tại: Thôn 1, xã H, huyện A, tỉnh Nghệ An – Vắng mặt (Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

* *Bị đơn:* **Anh Nguyễn Quang T** – Sinh năm: 1992

Trú tại: Thôn 1, xã H, huyện A, tỉnh Nghệ An

Hiện đang chấp hành cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện P – Xã P, huyện A, tỉnh Nghệ An - Vắng mặt (Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* **Bà Trần Thị M** - Sinh năm: 1958 - Trú tại: Thôn 1, xã H, huyện A, tỉnh Nghệ An – Vắng mặt (Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*- Tại phiên tòa nguyên đơn chị Bùi Thị Đ vắng mặt, nhưng trong đơn khởi kiện đề ngày 16/7/2023 và lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án chị Bùi Thị Đ trình bày:*

Chị Bùi Thị Đ và anh Nguyễn Quang T kết hôn vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện A, tỉnh Nghệ An. Sau khi kết hôn vợ chồng chung

sống hạnh phúc được một thời gian đến đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn tới mâu thuẫn do anh T không tu chí làm ăn, không quan tâm vợ con, thường xuyên tụ tập bạn bè, rượu chè, bỏ mặc gia đình vợ con. Ngoài ra anh T còn sử dụng ma túy, vi phạm pháp luật dẫn tới việc phải đi chấp hành cai nghiện ma túy bắt buộc. Mặc dù chị Đ có khuyên bảo, động viên để anh T sửa chữa. Tuy nhiên, anh T không những không sữa chữa mà còn tiếp tục lâm vào các tệ nạn. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, nên vợ chồng sống ly thân từ tháng 5/2022 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân giữa chị Đ và anh T không còn quan tâm, chăm sóc nhau nữa. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị Đ đề nghị Tòa án giải quyết xin được ly hôn anh T.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị Như Y – Sinh ngày 01/2/2015 và Nguyễn Quang H – Sinh ngày 14/5/2018. Nay ly hôn, anh T đang chấp hành cai nghiện bắt buộc, các con của chị Đ hiện nay đang ở với bà nội là bà Trần Thị M, chị Đ thường xuyên đi lại thăm nom con, chị Đ muốn đưa con về nhưng anh T và bà M không đồng ý. Nay ly hôn chị Đ có nguyện vọng được trực tiếp nuôi 02 con nên yêu cầu Tòa án buộc anh T và bà M giao con cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Đ không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ: Chị Bùi Thị Đ và anh Nguyễn Quang T không yêu cầu Toà án giải quyết.

*- Tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn Quang T vắng mặt, nhưng tại bản tự khai cũng như biên bản lấy lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Quang T trình bày:*

Anh Nguyễn Quang T và chị Bùi Thị Đ kết hôn vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện A, tỉnh Nghệ An. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn tới mâu thuẫn là do vợ chồng tính cách không hợp nhau, do anh T thỉnh thoảng đi chơi với bạn bè nên vợ chồng xảy ra tranh cãi. Do mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng nên vợ chồng sống ly thân từ tháng 6/2022 đến nay. Nay chị Đ yêu cầu được ly hôn với anh T thì anh T mong muốn chấp hành xong thời gian cai nghiện ma túy trở về rồi vợ chồng bàn bạc giải quyết. Tuy nhiên, nếu chị Đ nhất quyết yêu cầu ly hôn thì anh T đồng ý ly hôn và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị Như Y – Sinh ngày 01/2/2015 và Nguyễn Quang H – Sinh ngày 14/5/2018. Nay ly hôn anh T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi các con, không yêu cầu chị Đ cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, hiện nay anh T đang chấp hành thời gian cai nghiện ma túy bắt buộc nên anh T đã gửi 02 con cho mẹ anh T là bà Trần Thị M chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về tài sản chung và nợ: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

*- Tại phiên tòa cháu Nguyễn Thị Như Y vắng mặt nhưng trong quá trình giải quyết vụ án cháu Nguyễn Thị Như Y trình bày:*

Bố cháu là Nguyễn Quang T, mẹ cháu là Bùi Thị Đ. Nay bố, mẹ cháu ly hôn thì cháu muốn được ở với mẹ là Bùi Thị Đ.

*- Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị M vắng mặt, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án bà Trần Thị M trình bày:*

Anh Nguyễn Quang T là con trai của bà M, chị Đ là con dâu của bà M. Chị Đ và anh T có 2 người con chung là Nguyễn Thị Như Y – Sinh ngày 01/2/2015 và Nguyễn Quang H – Sinh ngày 14/5/2018. Từ khi vợ chồng chị Đ và anh T ly thân và hiện nay anh T đang chấp hành cai nghiện bắt buộc đến nay các cháu ở với bà M, mọi sinh hoạt, chăm sóc và nuôi dưỡng các con chung đều do bà Trần Thị M đảm nhiệm. Nay chị Đ và anh T ly hôn bà M có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng các cháu.

*- Tại phiên Tòa đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện A phát biểu ý kiến về vụ án và về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án như sau:*

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng trình tự tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện nghiêm túc quyền và nghĩa vụ của mình trong suốt quá trình điều tra, hòa giải và xét xử. Nhìn chung vụ án đã được thụ lý, điều tra và xét xử đúng trình tự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 238; khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị Bùi Thị Đ được ly hôn với anh Bùi Quang Thân; Về nuôi con chung: Giao con chung Nguyễn Thị Như Y – Sinh ngày 01/2/2015 và Nguyễn Quang H – Sinh ngày 14/5/2018 cho chị Bùi Thị Đ tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh Nguyễn Quang T. Về án phí: Chị Bùi Thị Đ phải chịu án phí ly hôn theo quy định theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

*[1] Về thủ tục tố tụng:* Đây là vụ án "Yêu cầu ly hôn và nuôi con chung" mà bị đơn cư trú tại xã H, huyện A, tỉnh Nghệ An. Hiện tại anh Nguyễn Quang T bị đơn đang chấp hành thời gian cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện P. Nên Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An thụ lý và giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS là có căn cứ, đúng theo quy định của pháp luật.

*[2] Về nội dung vụ án*:

*[2.1] Về quan hệ hôn nhân:* Chị Bùi Thị Đ và anh Nguyễn Quang T kết hôn với nhau vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện A, tỉnh Nghệ An. Hôn nhân hợp pháp, đúng quy định của pháp luật.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc và sinh được 02 con chung, đến năm 2022 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính cách không hợp nhau, do anh T thỉnh thoảng đi chơi với bạn bè nên vợ chồng xảy ra tranh cãi. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, nên vợ chồng sống ly thân từ tháng 5/2022 cho đến nay. Trong quá trình sống ly thân, anh Nguyễn Quang T không lo tu chí làm ăn mà còn nghiện ma túy nên bị Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc với thời gian 19 tháng theo Quyết định số 40/QĐ-TA ngày 27/9/2023 của TAND huyện A, tỉnh Nghệ An. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị Đ đề nghị Tòa án giải quyết xin được ly hôn anh T.

Trong quá trình giải quyết vụ án anh T không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Đ mà mong muốn chị Đ chờ anh T chấp hành xong thời gian cai nghiện ma túy bắt buộc trở về để vợ chồng bàn bạc đoàn tụ. Tuy nhiên, nếu chị Đ nhất quyết yêu cầu ly hôn thì anh T cũng đồng ý ly hôn với chị Đ và đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu theo quy định của pháp luật. Hiện tại anh T đang chấp hành thời gian cai nghiện bắt buộc nên không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án được nên đề nghị Tòa án giải quyết vụ án mà không tiến hành hòa giải và xét xử vắng mặt anh T.

Xét thấy mục đích của hôn nhân vợ chồng là cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc, cùng nhau chăm lo cuộc sống. Nhưng giữa chị Đ và anh T đã bỏ mặc nhau, không yêu thương, quý trọng, chăm sóc và giúp đỡ nhau, tình nghĩa vợ chồng không còn, anh T còn lâm vào tệ nạn xã hội bị áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc. Do đó hôn nhân giữa chị Đ và anh T lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không thể đạt được. Nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đ là phù hợp với khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình và phù hợp với ý kiến của anh T là nếu chị Đ vẫn nhất quyết ly hôn thì anh T cũng đồng ý ly hôn với chị Đ.

*[2.2]. Về nuôi con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con:* Chị Bùi Thị Đ và anh Nguyễn Quang T có 02 con chung là Nguyễn Thị Như Y – Sinh ngày 01/2/2015 và Nguyễn Quang H – Sinh ngày 14/5/2018. Từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay nay 02 con ở với bà nội là bà Trần Thị M, trong thời gian anh T đi chấp hành cai nghiện bắt buộc, chị Đ muốn đưa con về nhưng anh T và bà M không đồng ý. Nay ly hôn, chị Đ và anh T đều có nguyện vọng được nuôi cả 02 con và không ai yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị M cũng có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng 2 cháu Nguyễn Thị Như Y – Sinh ngày 01/2/2015 và Nguyễn Quang H – Sinh ngày 14/5/2018.

Xét nguyện vọng nuôi con của các đương sự là chính đáng, nhằm mục đích chăm sóc, nuôi dưỡng con phát triển, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho các

con. Tuy nhiên, hiện tại anh Nguyễn Quang T đang chấp hành thời gian cai nghiện ma túy bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện P nên không có điều kiện để trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung. Đối với bà Trần Thị M là bà nội của các cháu nên không có quyền nuôi các cháu khi vợ chồng ly hôn theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Trong quá trình giải quyết vụ án cháu Nguyễn Thị Như Y có nguyện vọng ở với mẹ là chị Bùi Thị Đ, còn cháu Nguyễn Quang H chưa đủ tuổi để hỏi nguyện vọng của cháu. Hiện nay, anh T đang chấp hành thời gian cai nghiện bắt buộc theo Quyết định của Tòa án. Vì vậy, buộc bà Trần Thị M có nghĩa vụ giao 02 cháu Nguyễn Thị Như Y và Nguyễn Quang H cho chị Bùi Thị Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là có căn cứ theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình và cũng phụ hợp nguyện vọng của con.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị Bùi Thị Đ không yêu cầu anh Nguyễn Quang T cấp dưỡng nuôi con. Nên Hội đồng xét xử không xét.

*[2.3]. Về tài sản chung và nợ*: Chị Bùi Thị Đ và anh Nguyễn Quang T không yêu cầu Toà án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xét.

*[2.4]. Về án phí:* Chị Bùi Thị Đ phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

**Vì các lẽ trên:**

**QUYẾT ĐỊNH:**

**- Áp dụng:** Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm b khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; Khoản 1 Điều 238; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016.

**- Tuyên xử:**

**+ Về quan hệ hôn nhân**: Cho chị Bùi Thị Đ được ly hôn với anh Nguyễn Quang T.

**+ Về nuôi con chung:** Buộc bà Trần Thị M giao cháu Nguyễn Thị Như Y – Sinh ngày 01/2/2015 và cháu Nguyễn Quang H – Sinh ngày 14/5/2018 cho chị Bùi Thị Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con đủ 18 tuổi, trưởng thành.

**+ Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con:** Chị Bùi Thị Đ không yêu cầu anh Nguyễn Quang T cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của con, khi cần thiết, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

**+ Về tài sản chung và nợ:** Chị Bùi Thị Đ và anh Nguyễn Quang không yêu cầu Toà án giải quyết**.**

**- Về án phí:** Chị Bùi Thị Đ phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn (Đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0007769 ngày 21/11/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Nghệ An).

**- Về quyền kháng cáo:** Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

**Nơi nhận:**
*- Các đương sự;*
*- TAND tỉnh Nghệ An;*
*- VKSND A;*
*- Chi cục THADS huyện A;*
*- UBND xã H, huyện A, tỉnh Nghệ An (Nơi đăng ký kết hôn);*
*- Lưu hồ sơ vụ án;*

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Hoàng Thị Lệ Hằng**